

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 708/HĐND-VP ngày 03/12/2024 về việc thống nhất xây dựng Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; trên cơ sở báo cáo, tham mưu của Sở Công Thương tại các Văn bản số 769/SCT-QLCNMT ngày 31/3/2025 và số 972/SCT-QLCNMT ngày 17/4/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Công Thương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, tỉnh Khánh Hòa chưa ban hành nghị quyết quy định mức chi cụ thể hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Để đảm bảo việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật đúng theo quy định và tuân thủ quy phạm về thẩm quyền, vừa đảm bảo thuận lợi cho các đơn vị quản lý, thực hiện nhiệm vụ hoạt động khuyến công địa phương. UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Quy định mức chi cụ thể nhằm hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, các cơ sở sản xuất công nghiệp được hưởng chính sách khuyến công theo quy định. Động viên và huy động các nguồn lực góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập lao động tại địa bàn nông thôn, thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai thực hiện khoản 1 Điều 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Dự thảo Nghị quyết phải bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

- Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện; bảo đảm lồng ghép các nguồn lực và yêu cầu cải cách thủ tục hành chính.

III. TÊN, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

c) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

3. Tên nghị quyết: Nghị quyết ban hành quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

- Ngày 25/11/2024 UBND tỉnh có Tờ trình số 13400/TTr-UBND trình Thường trực HĐND tỉnh xin ý kiến xây dựng "Nghị quyết quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa".

- Thường trực HĐND tỉnh có Văn bản số 708/HĐND-VP ngày 03/12/2024 thống nhất xây dựng Nghị quyết quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- UBND tỉnh có Văn bản số 13932/UBND-KT ngày 06/12/2024 giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đảm bảo trình tự, thủ tục rút gọn theo đúng quy định của pháp luật.

- Sở Công Thương có Văn bản số 2834/SCT-QLCNMT ngày 10/12/2024 gửi lấy ý kiến các cơ quan đơn vị và địa phương; đồng thời đăng tải lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, thời hạn kết thúc lấy ý kiến: ngày 13/12/2024.

- Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan, Sở Công Thương đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 2915/SCT-QLCNMT ngày 18/12/2024.

- Ngày 30/12/2024, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 378/BC-STP về thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Sở Công Thương đã chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết và tiếp thu, giải trình tại Báo cáo số 43/BC-SCT ngày 12/3/2025.

- Trong quá trình tiếp thu có sửa đổi, bổ sung một số nội dung, mức chi để đảm bảo đầy đủ, đúng quy định; do vậy ngày 28/02/2025 Sở Công Thương đã có Văn bản số 453/SCT-QLCNMT gửi các cơ quan chuyên môn, các địa phương tham gia góp ý kiến dự thảo Nghị quyết và đăng tải lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, thời hạn kết thúc lấy ý kiến: ngày 04/3/2025. Ngày 27/3/2025 Sở Công Thương có Văn bản số 721/SCT-QLCNMT gửi Sở Tư pháp thẩm định lần 2.

- Ngày 31/3/2025, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 89/BC-STP về thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Sở Công Thương đã tiếp thu, giải trình tại Báo cáo số 57/BC-SCT ngày 31/3/2025 và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; trình UBND tỉnh tại Văn bản số 769/SCT-QLCNMT ngày 31/3/2025.

- Văn phòng UBND tỉnh gửi Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh tại Văn bản số 44/VPUBND-KT ngày 09/4/2025.

- Ngày 17/4/2025, Sở Công Thương có Văn bản số 972/SCT-QLCNMT tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên UBND tỉnh.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 02 Điều, cụ thể:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Nội dung Nghị quyết

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 4. Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công địa phương

1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật

a) Mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình.

Căn cứ mức chi tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 1.000 triệu đồng/mô hình”.

Kế thừa mức chi tại gạch đầu dòng thứ 2 điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Không quá 700 triệu đồng/mô hình.

Do vậy, đề nghị mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình là kế thừa mức chi tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh và không quá mức chi tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình.

Căn cứ mức chi tại điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình”.

Kế thừa mức chi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Đối với các hoạt động khuyến công khác (trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này) áp dụng theo Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Do vậy, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình phù hợp theo mức chi tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình.

Căn cứ mức chi tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “*Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình*”.

Kế thừa mức chi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Đối với các hoạt động khuyến công khác (trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này) áp dụng theo Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Do vậy, mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình phù hợp theo mức chi tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

3. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Căn cứ mức chi tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “*Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp*”.

Kế thừa mức chi tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh:

- Đề án có tổng vốn đầu tư từ 500 triệu đồng trở xuống, mức hỗ trợ tối đa 30%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 130 triệu đồng/đề án.

- Đề án có tổng vốn đầu tư trên 500 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa được tính theo công thức chung như sau, nhưng không quá 300 triệu đồng/đề án.

Do vậy, mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở và mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyên giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đối với trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ là kế thừa mức chi tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh và không quá mức hỗ trợ tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

4. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

Căn cứ mức chi tại khoản 15 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở”.

Kế thừa mức chi tại điểm c khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh:

- Đề án có tổng vốn đầu tư từ 500 triệu đồng trở xuống, mức hỗ trợ tối đa 30%/tổng vốn đầu tư, nhưng không quá 130 triệu đồng/đề án.

- Đề án có tổng vốn đầu tư trên 500 triệu đồng, mức hỗ trợ tối đa được tính theo công thức chung như sau, nhưng không quá 300 triệu đồng/đề án.

Do vậy, mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở phù hợp theo mức chi tại khoản 15 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

5. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 1.500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

Căn cứ mức chi tại khoản 16 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 1.500 triệu đồng/cụm công nghiệp”.

Kế thừa mức chi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Đối với các hoạt động khuyến công khác (trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này) áp dụng theo Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Do vậy, mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 1.500 triệu đồng/cụm công nghiệp phù hợp theo mức chi tại khoản 16 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

6. Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 400 triệu đồng/cụm công nghiệp.

Căn cứ mức chi tại khoản 17 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/cụm công nghiệp”.

Kế thừa mức chi tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm e khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 400 triệu đồng/cụm công nghiệp.

Do vậy, mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 400 triệu đồng/cụm công nghiệp là kế thừa mức chi tại điểm e khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh và không quá mức chi tại khoản 17 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

7. Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 3.000 triệu đồng/cụm công nghiệp có quy mô 30 ha; 4.000 triệu đồng/cụm công nghiệp có quy mô trên 30 ha đến 50 ha và 5.000 triệu đồng/cụm công nghiệp có quy mô trên 50 ha.

Căn cứ mức chi tại khoản 18 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Mức hỗ trợ không quá 6.000 triệu đồng/cụm công nghiệp”.

Kế thừa mức chi tại gạch đầu dòng thứ hai điểm e khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh:

- Cụm công nghiệp có quy mô đến 30 ha: Mức hỗ trợ tối đa là 03 tỷ đồng/cụm công nghiệp.

- Cụm công nghiệp có quy mô trên 30 ha đến 50 ha: Mức hỗ trợ là 04 tỷ đồng/cụm công nghiệp.

- Cụm công nghiệp có quy mô trên 50 ha: Mức hỗ trợ là 05 tỷ đồng/cụm công nghiệp.

Do vậy, mức hỗ trợ không quá 3.000 triệu đồng/cụm công nghiệp có quy mô 30 ha; 4.000 triệu đồng/cụm công nghiệp có quy mô trên 30 ha đến 50 ha và 5.000 triệu đồng/cụm công nghiệp có quy mô trên 50 ha là kế thừa mức chi tại điểm e khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh và không quá mức chi tại khoản 18 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

8. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước: Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.

Căn cứ mức chi tại khoản 5 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “*Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*”

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng”.

Kế thừa mức chi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Đối với các hoạt động khuyến công khác (trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này) áp dụng theo Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Do vậy, mức hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng phù hợp theo mức chi tại khoản 5 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

9. Hỗ trợ tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện/xã, cấp tỉnh:

a) Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện/xã, cấp tỉnh. Mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/lần đối với cấp huyện/xã và không quá 80 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh.

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp huyện/xã không quá 02 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp tỉnh không quá 04 triệu đồng/sản phẩm.

Căn cứ mức chi điểm a khoản 8 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “*Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia. Mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/lần đối với cấp khu vực và 400 triệu đồng/lần đối với cấp quốc gia*”.

Căn cứ mức chi tại điểm b khoản 8 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “*Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp khu vực không quá 05 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp quốc gia không quá 10 triệu đồng/sản phẩm*”.

Kế thừa mức chi tại điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh:

- Chi cho tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh: Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/lần tổ chức bình chọn; Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, mức hỗ trợ không quá 80 triệu đồng/lần tổ chức bình chọn.

- Chi thường cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh: Sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện được thưởng không quá 2 triệu đồng/sản phẩm; Sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh được thưởng không quá 4 triệu đồng/sản phẩm.

Do vậy, mức hỗ trợ trên là kế thừa mức chi tại điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh và thấp hơn mức chi tại điểm a, điểm b khoản 8 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC (bình chọn cấp khu vực, cấp quốc gia).

10. Hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm do Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Khánh Hòa làm chủ đầu tư và các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp:

a) Mức chi hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/phòng trưng bày để Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Khánh Hòa mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày sản phẩm.

b) Mức chi hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/phòng trưng bày đối với cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; 40 triệu đồng/phòng trưng bày đối với cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực; 50 triệu đồng/phòng trưng bày đối với cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đạt cấp quốc gia để mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày sản phẩm (chỉ hỗ trợ đối với các sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày ký Quyết định công nhận).

Căn cứ mức chi tại các điểm a, b, c khoản 21 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC:

“a) Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/phòng trưng bày.

b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày.

c) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày.”

Kế thừa mức chi tại điểm đ khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh:

- Hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/phòng trưng bày để Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Khánh Hòa mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày sản phẩm.

- Hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/phòng trưng bày đối với cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; 40 triệu đồng/phòng trưng bày đối với cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực; 50 triệu đồng/phòng trưng bày đối với cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia.

Dự thảo Nghị quyết là mức chi cho các đề án đăng ký hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương do vậy thấp hơn mức chi tại các điểm a, b, c khoản 21 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC và mức chi tại dự thảo Nghị quyết được kế thừa bằng mức chi tại điểm đ khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh.

11. Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư). Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, chi phí di dời máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu, nhưng không quá 400 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Căn cứ mức chi tại khoản 14 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu, nhưng không quá 500 triệu đồng/cơ sở”.

Kế thừa mức chi tại điểm f khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, chi phí di dời máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu nhưng không quá 400 triệu đồng/cơ sở.

Do vậy, mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, chi phí di dời máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu, nhưng không quá 400 triệu đồng/cơ sở kế thừa mức chi tại điểm f khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh và không quá mức hỗ trợ tại khoản 14 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

12. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

Căn cứ mức chi tại khoản 9 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu”.

Kế thừa mức chi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Đối với các hoạt động khuyến công khác (trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này) áp dụng theo Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Do vậy, mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu phù hợp theo mức chi tại khoản 9 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

13. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

Căn cứ mức chi tại khoản 10 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

Kế thừa mức chi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Đối với các hoạt động khuyến công khác (trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này) áp dụng theo Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Do vậy, mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở phù hợp theo mức chi tại khoản 10 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

14. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ mức chi tại khoản 11 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “*Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt*”.

Kế thừa mức chi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Đối với các hoạt động khuyến công khác (trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này) áp dụng theo Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Do vậy, mức chi phù hợp theo quy định tại khoản 11 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

15. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo

a) Chi đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Thông tư số 43/2023/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình và khai thông tin về đăng ký sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú khi thực hiện các chính sách hoặc thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Căn cứ mức chi tại khoản 19 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “*Chi đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng và các Thông tư sửa đổi, bổ sung*”.

b) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo; chi tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề; chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn; chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công; chi tổ chức các khóa đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp; chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn thực hiện theo Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định mức chi thù lao cho báo cáo viên, giảng viên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ mức chi tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 7, khoản 8 Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

Căn cứ mức chi theo Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

c) Chi tổ chức các cuộc thi, cuộc vận động về các hoạt động khuyến công áp dụng theo Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

Căn cứ mức chi tại khoản 6 Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: Áp dụng theo Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính.

d) Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ tại điểm b khoản 19 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

Kế thừa mức chi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Đối với các hoạt động khuyến công khác (trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này) áp dụng theo Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

16. Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam; chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ tại khoản 6 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

Kế thừa mức chi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Đối với các hoạt động khuyến công khác (trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này) áp dụng theo Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

17. Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Căn cứ tại khoản 7 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền”.

Kế thừa mức chi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Đối với các hoạt động khuyến công khác (trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này) áp dụng theo Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

18. Chi quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công

a) Sở Công Thương là cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, in ấn, điện nước, chi công tác phí, nước uống, xăng dầu, thuê xe đi nghiệm thu, kiểm tra các đề án của năm trước; chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 22 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt”.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 22 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công quốc gia: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công (riêng đề án ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, huyện nghèo theo quy định của Chính phủ được chi không quá 4%) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có)”.

Kế thừa mức chi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Đối với các hoạt động khuyến công khác (trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này) áp dụng theo Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công. Do vậy, mức chi thực hiện theo điểm a, b khoản 22 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

19. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công do Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vào các địa bàn và ngành nghề cần ưu tiên nhưng không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định trên đây.

Căn cứ khoản 23 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC: “Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP do Bộ Công Thương phê duyệt, đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn vào các địa bàn và ngành nghề cần ưu tiên nhưng không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định trên đây”.

Kế thừa mức chi tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh: Đối với các hoạt động khuyến công khác (trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này) áp dụng theo Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Trong giai đoạn 2021 – 2025 bình quân kinh phí khuyến công địa phương hỗ trợ 1.822 triệu đồng/năm để triển khai thực hiện các nội dung khuyến công như: nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp; hỗ trợ mô hình ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp; hoạt động phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; hỗ trợ cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công. Hiện nay, Chính phủ đang sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 về khuyến công để có nhiều nội dung hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn phát triển; đồng thời tỉnh Khánh Hòa cũng đang tập trung phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khuyến khích áp dụng các giải pháp về quản lý, sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng; chuyển đổi nhiên liệu, sản phẩm theo hướng xanh hóa; thực hiện chuyển đổi xanh trong lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Do vậy, dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa với số tiền 5.376 triệu đồng/năm. Chênh lệch tăng so với thực hiện theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của UBND tỉnh và Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh số tiền 3.548 triệu đồng. *(Chi tiết theo phụ lục dự kiến kinh phí tăng thêm đính kèm).*

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận./.

(Kèm theo Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: Công Thương, Tài chính, Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, TLe, HT, DN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng

Phụ lục: Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện

(Kèm theo Tờ trình số 4511 /TTr-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND năm 2025			Dự kiến kinh phí thực hiện theo Nghị quyết HĐND tỉnh/năm			Dự kiến nhu cầu kinh phí tăng thêm
		Số đề án	Mức chi	KP cấp tỉnh	Số đề án	Mức chi	Dự kiến kinh phí cấp tỉnh	
1	Mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới	0	0	0	1	700	700	700
2	Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp	0	0	0	1	500	500	500
3	Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ	1	130	130	1	250	250	120
		1	200	200	1	260	260	60
		1	290	290	1	290	290	0
					1	288	288	288
					1	250	250	250
4	Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn	0	0	0	1	300	300	300
5	Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0
6	Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0
7	Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0
8	Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước	0	0	0	1	800	800	800

9	Hỗ trợ tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh	1	530	530	1	530	530	0
10	Hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm	1	40	40	1	50	50	10
11	Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp	0	0	0	1	400	400	400
12	Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn	0	0	0	1	35	35	35
13	Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn	0	0	0	1	35	35	35
14	Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh	1	90	90	1	90	90	0
		1	200	200	1	200	200	0
15	Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo	1	65	65	1	65	65	0
		1	65	65	1	65	65	0
16	Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0
17	Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài	0	0	0	1	50	50	50
18	Chi quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công	1	68	68	1	68	68	0
		1	150	150	1	150	150	0
19	Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng			1.828			5.376	3.548

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA
Số:...../2025/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Khánh Hòa, ngày..... tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công
địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA KHÓA... KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Công Thương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-BKTNS ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khoá ..., Kỳ họp thứ thông qua ngày....tháng... năm 2025 và có hiệu lực từ ngày.... tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn Phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công Thương;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP.UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban ngành;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT,, A.....

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo Nghị quyết số...../2025/NQ-HĐND ngày... tháng... năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

c) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí cho các hoạt động khuyến công địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách.

2. Các nguồn tài chính hợp pháp khác do huy động hoặc do lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của khuyến công.

Điều 4. Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công địa phương

1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật

a) Mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao

gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình.

2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình.

3. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

4. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

5. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 1.500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

6. Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 400 triệu đồng/cụm công nghiệp.

7. Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 3.000 triệu đồng/cụm công nghiệp có quy mô 30 ha; 4.000 triệu đồng/cụm công nghiệp có quy mô trên 30 ha đến 50 ha và 5.000 triệu đồng/cụm công nghiệp có quy mô trên 50 ha.

8. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.

9. Hỗ trợ tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện/xã, cấp tỉnh:

a) Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện/xã, cấp tỉnh. Mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/lần đối với cấp huyện/xã và không quá 80 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh.

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp huyện/xã không quá 02 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp tỉnh không quá 04 triệu đồng/sản phẩm.

10. Hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm do Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Khánh Hòa làm chủ đầu tư và các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp:

a) Mức chi hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/phòng trưng bày để Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Khánh Hòa mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày sản phẩm.

b) Mức chi hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/phòng trưng bày đối với cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; 40 triệu đồng/phòng trưng bày đối với cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực; 50 triệu đồng/phòng trưng bày đối với cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đạt cấp quốc gia để mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày sản phẩm (chỉ hỗ trợ đối với các sản phẩm đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày ký Quyết định công nhận).

11. Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, chi phí di dời máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu, nhưng không quá 400 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

12. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

13. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các

lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

14. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

15. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo

a) Chi đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Thông tư số 43/2023/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình và khai thông tin về đăng ký sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú khi thực hiện các chính sách hoặc thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

b) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo; chi tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề; chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn; chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công; chi tổ chức các khóa đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp; chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn thực hiện theo Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định mức chi thù lao cho báo cáo viên, giảng viên trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

c) Chi tổ chức các cuộc thi, cuộc vận động về các hoạt động khuyến công áp dụng theo Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

d) Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

16. Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam; chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

17. Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

18. Chi quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công

a) Sở Công Thương là cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, in ấn, điện nước, chi công tác phí, nước uống, xăng dầu, thuê xe đi nghiệm thu, kiểm tra các đề án của năm trước; chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

19. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công do Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vào các địa bàn và ngành nghề cần ưu tiên nhưng không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định trên đây.